

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2022/DS-ST
Ngày 10 - 01- 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Mạnh Hùng

2. Bà Đào Diệp Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/01/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 05/11/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, tổ xx, khu xx, phường P, thành phố P, tỉnh N. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Tổ xx, khu x, phường O, thành phố P, tỉnh N. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Tổ xx, khu x, phường O, thành phố P, tỉnh N. Có mặt.

4. *Người làm chứng:* Chị Trần Thị H2, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Tổ x, khu x, phường P, thành phố P, tỉnh N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Tháng 5/2021 chị L cho anh Nguyễn Mạnh H1 vay số tiền 140.000.000đồng để làm sơn, anh H1 tự nguyện mỗi tháng trả tiền lãi 5.000.000đồng, thời hạn trả tháng 8/2021. Anh H1 là người viết và ký giấy vay tiền, có người làm chứng là chị Trần Thị H2. Khi vay tiền anh H1 có đưa cho chị L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 654xxx, số vào sổ

cấp giấy chứng nhận CH000xxx do UBND thành phố P cấp ngày 14/11/2012 mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T để làm tin, có chị H2 làm chứng. Tuy nhiên từ đó đến nay anh H1 không trả cho chị L tiền gốc và tiền lãi, mặc dù chị L đã nhiều lần yêu cầu anh H1 trả tiền nhưng anh H1 không trả. Nay chị L yêu cầu anh H1 phải trả cho chị 140.000.000đồng tiền gốc, còn tiền lãi chị có đơn tự nguyện rút không yêu cầu anh H1 phải trả. Chị đã nộp cho Tòa án bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H1 và chị T, chị đồng ý trả lại cho anh H1 và chị T.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H1 trình bày: khoảng tháng 7/2019 anh H1 có vay của chị Trần Thị H2 17.000.000đồng và 01 cây vàng 9999 (trị giá 01 cây vàng tại năm 2019 là 41.000.000đồng), mục đích vay để làm sơn. Khi vay của chị H2 anh H1 có giao cho chị H2 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 654182, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH000xxx do UBND thành phố P cấp ngày 14/11/20xx mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T. Anh H1 đã trả tiền lãi cho chị H2 số tiền 56.000.000đồng. Do công việc khó khăn, anh H1 không có khả năng trả nợ cho chị H2 nên tháng 5/2021 chị H2 có thỏa thuận với anh H1 về việc đổi nợ từ anh H1 nợ chị H2 sang anh H1 nợ chị L. Tại nhà chị L anh H1 có viết giấy vay tiền với chị L là 140.000.000đồng, thời hạn vay từ tháng 5 đến tháng 8/2021, mỗi tháng anh H1 trả chị L 5.000.000đồng tiền lãi, chị H2 ký vào giấy vay tiền là người làm chứng. Khi viết giấy vay tiền, giữa anh H1 với chị L và chị H2 không có thỏa thuận bằng văn bản hay bằng miệng về việc đổi nợ. Thực tế anh H1 không nhận tiền từ chị L, anh H1 không trao đổi bản bạc với chị T (vợ anh H1) về việc viết giấy vay nợ với chị L và chị H2. Nay chị L yêu cầu anh H1 phải trả cho chị L 140.000.000đồng, anh H1 không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho chị H2 số tiền gốc 58.000.000đồng, tiền lãi 69.000.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 127.000.000đồng. Anh đồng ý chị L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh và chị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh H1 là vợ chồng hợp pháp, chị T không quen biết chị L và chị H2. Chị T không biết anh H1 vay tiền của chị L và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T cho chị L. Do kinh tế khó khăn nên nhiều năm nay anh H1 không đưa tiền cho chị T chi tiêu gia đình, do đó chị không có nghĩa vụ cùng anh H1 trả nợ cho chị L. Chị L phải trả lại cho vợ chồng chị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T.

Người làm chứng chị Trần Thị H2 trình bày: Chị H2 có quen biết anh H1 và chị L, khoảng tháng 5/2021 anh H1 hỏi chị H2 xem có ai cho vay tiền thì hỏi giúp anh H1 vay để làm sơn. Chị H2 hỏi chị L thì chị L đồng ý nên chị H2 đưa anh H1 đến nhà chị L để vay tiền. Tại nhà chị L, anh H1 đã vay của chị L 140.000.000đồng, anh H1 trực tiếp viết giấy vay tiền, chị H2 là người làm chứng ký tên trong giấy vay tiền. Khi vay tiền, anh H1 tự nguyện đưa chị L cầm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H1 và chị T. Nay anh H1 khai, anh H1 vay tiền và vàng của chị H2 và chuyển từ anh H1 nợ chị H2 sang anh H1 nợ chị L là không đúng. Tại nhà chị L, giữa chị H2, anh H1 và chị L không có việc thỏa thuận đổi nợ như anh H1 đã khai.

Ngày 14/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cẩm Phả tiếp nhận đơn trình báo của chị Phạm Thị L về việc anh Nguyễn Mạnh H1 vay tiền của chị nhưng không trả và không liên lạc được với anh H1. Tại Công văn số 1749/CV-CQĐT ngày 28/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cẩm Phả thông báo “Việc thỏa thuận vay tiền giữa chị L với anh H1 là thỏa thuận dân sự”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, buộc anh Nguyễn Mạnh H1 trả cho chị L số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng. Không có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị T phải liên đới trả nợ cùng anh H1. Đối với số tiền nợ lãi 15.000.000đồng chị L có đơn tự nguyện rút trước khi mở phiên tòa sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị đình chỉ. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, trả lại cho anh H1 và chị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 654182, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH000228 do UBND thành phố Cẩm Phả cấp ngày 14/11/2012 mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Hợp đồng vay tài sản giữa chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Mạnh H1 được xác lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh H1 thừa nhận là người tự viết và ký giấy vay tiền trong tinh thần tỉnh táo, không bị ai ép buộc. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận,

anh H1 không trả được nợ gốc, nợ lãi cho chị L. Đối với quan điểm anh H1 cho rằng anh có vay tiền và vàng của chị H2 và chị H2 thỏa thuận chuyển số nợ của anh H1 từ chị H2 sang anh H1 nợ chị L, tuy nhiên chị H2 và chị L đều không thừa nhận, anh H1 không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Như vậy, từ tháng 9/2021 anh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với chị L, do đó yêu cầu của chị L buộc anh H1 phải trả nợ tiền cho chị L là có căn cứ chấp nhận.

Khi anh H1 viết giấy vay tiền chị L, chị Nguyễn Thị T (vợ anh H1) không có mặt và không biết anh H1 vay số tiền này, anh H1 cũng thừa nhận không nói cho chị T biết việc vay tiền. Số tiền anh H1 vay của chị L không sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên không có căn cứ buộc chị T có nghĩa vụ cùng anh H1 trả nợ.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 140.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu về trả tiền lãi của nguyên đơn.

[3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 654xxx, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH000xxx do UBND thành phố P cấp ngày 14/11/20xx mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T, chị L đã nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, chị L, anh H1 và chị T thỏa thuận, chị L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh H1 và chị T là phù hợp pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận trên.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L được chấp nhận do vậy bị đơn anh Nguyễn Mạnh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 48, 147; 244; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm”; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L. Buộc anh Nguyễn Mạnh H1 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị L 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính tiền nợ lãi của nguyên đơn chị Phạm Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Nguyễn Mạnh H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H1 và chị Nguyễn Thị T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 654xxx, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH000xxx do UBND thành phố P cấp ngày 14/11/2012 mang tên Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Thị T.

Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Trả cho chị Phạm Thị L 3.875.000 đồng (ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 000xxxx ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/01/2021).

Trường hợp quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Túc

